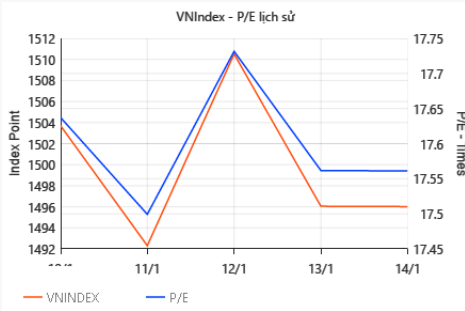




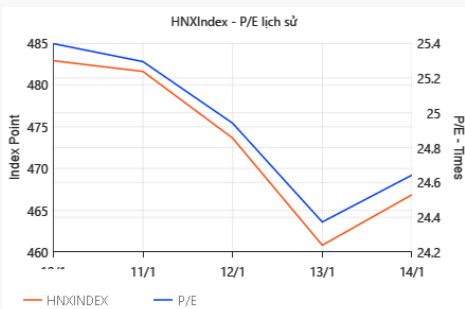
**Bộ phận Chiến lược đầu tư**

**VN-INDEX**



<b>Điểm số</b>	<b>1,496.02</b>
Tuần qua (WoW)	-2.12%
Từ đầu năm (YTD)	-0.15%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	11.77%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	6.31%
P/E	17.56
P/B	2.8

**HNX -INDEX**



<b>Điểm số</b>	<b>466.86</b>
Tuần qua (WoW)	-5.46%
Từ đầu năm (YTD)	-1.50%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	2.17%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	6.78%
P/E	24.64
P/B	2.64

**TRỞ LẠI MẶT ĐẤT**

Trong tuần vừa qua Quốc hội đã chính thức thông qua Nghị quyết về chính sách tài khoá, tiền tệ để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với tổng quy mô vào khoảng 350 nghìn tỷ đồng. Tuy vậy thị trường không có nhiều sự chú ý với thông tin này, thị trường dù điều chỉnh nhưng không vì quy mô gói kích thích nhỏ hơn so với con số 800 nghìn tỷ ban đầu do đây không là thông tin mới và thực tế việc hỗ trợ có kiểm soát sẽ giúp kiểm soát rủi ro lạm phát. Mặc dù vậy thì bài toán tạo đà hồi phục sẽ có thách thức.

Hai thông tin mang tính chất cục bộ nhưng dường như có tác động mạnh tới thị trường là việc bỏ cọc của Tân Hoàng Minh và việc chưa công bố thông tin của chủ tịch FLC (lệnh bán này sau đó đã bị huỷ), việc xuất hiện cùng một ngày đã khiến tác động tiêu cực được cộng hưởng. Dòng tiền mới bị kéo vào các mã tăng nóng đã nhanh chóng bán ra trước thông tin này.

Sự điều chỉnh này theo chúng tôi là hợp lý khi đã đưa ra cảnh báo với nhà đầu tư vào tuần trước về việc ưu tiên giảm rủi ro của danh mục hơn là tìm kiếm lợi nhuận trong ngắn hạn. Tuy nhiên, khi nhìn vào dòng tiền thì có sự luân chuyển khá rõ ràng từ Midcap sang VN30 trong tuần điều chỉnh vừa qua. Việc dòng tiền trở lại mặt đất, tìm tới các mã có yếu tố cơ bản sẽ tạo cơ sở bền vững cho tăng trưởng của thị trường trong năm tới.

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ**

**Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch:** Hai mã CEO và DIG được thực hiện chốt lời hoàn toàn và rút khỏi Danh mục Giao dịch (chuyển xuống phần Các khuyến nghị đã đóng). Mức giá đóng cửa tại ngày 10/1/2022 lần lượt là 83,300 và 112,000 – tương ứng với lợi nhuận đạt được là 508.0% và 322.3%, mức giá cao nhất từng đạt được là 100,000 và 125,200 – tương ứng với lợi nhuận 629.9% và 372.1%.

**CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH**

Thị trường có tuần giảm điểm và cho thấy khả năng cao dòng tiền đang tự cơ cấu lại giữa các nhóm vốn hóa cũng như nhóm ngành. Do đó, ưu tiên lúc này cũng cơ cấu lại danh mục cho phù hợp với diễn biến của dòng tiền trên thị trường, và tạm thời chưa nên gia tăng mức độ rủi ro cho tỷ trọng cổ phiếu.

<i>Nội dung</i>	<i>Tr.</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tr.</i>
<i>Danh mục Khuyến nghị</i>	<i>2</i>	<i>News focus</i>	<i>6</i>
<i>Nhận định chiến lược</i>	<i>3</i>	<i>Factset</i>	<i>6</i>
<i>PTKT VN-Index</i>	<i>5</i>	<i>Lịch đầu tư tuần tới</i>	<i>14</i>

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	9.6%	175.4%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.6%	8.3%	-	6.8%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	18.2%	-	12.6%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	7.3%	170.1%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	3.9%	-	28.6%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	6.0%	41.5%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	70.7%	95.8%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	106.5%	131.7%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	13.5%	83.6%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	41.3%	147.9%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	9.9%	-	134.3%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	42.7%	81.4%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	-	64.0%	111.9%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	11.8%	84.1%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	7.1%	30.3%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	14.4%	-	26.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 – 28,000	46,000	21,900	1:3	-8.9%
TNG	24/08/21	25,060 – 26,450	34,780	23,600	1:3	22.9%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	7.7%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	26.3%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	17.9%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	15.6%
VND*	09/06/21	32,280 – 35,100	50,140	29,460	1:2.7	105.1%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	157.5%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	21.0%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.2%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	80.7%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	27.6%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	44.1%
SMC*	11/05/21	34,800 – 37,500	50,000	31,000	1:2	9.6%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	71.7%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	22.3%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	66.7%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	88.0%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-2.4%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	9.4%
GEG	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	36.0%
FCN	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	121.8%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	23.1%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	191.0%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	26.3%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	42.4%
CCL*	17/02/21	10,000 – 11,000	18,000	8,700	1:3	47.7%
SAM*	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200	1:5	89.3%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	79.3%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	44.2%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	22.9%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	117.7%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	168.9%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	237.6%
DRI*	20/10/20	4,430 – 4,930	9,930	3,630	1:4	224.5%

## NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Hoàn toàn trái ngược với tuần trước, thị trường đã điều chỉnh khá mạnh trong tuần vừa qua với việc VN-Index giảm 2.12% và HNX-Index giảm đến 5.46%, thanh khoản bình quân phiên tăng nhẹ trên cả 2 sàn. Xu hướng điều chỉnh của các mã đầu cơ thể hiện ở việc nhóm vốn hoá nhỏ giảm mạnh nhất trong tuần với việc chỉ số VNSmallcap giảm 8.2%, theo sau là VNMidcap giảm 7.5%. Các mã vốn hoá lớn trong VN30 là nhóm giữ nhịp cho thị trường với mức giảm không đáng kể nhờ thu hút được dòng vốn tháo chạy từ các mã tăng nóng.

Trong xu hướng tăng nóng của một số cổ phiếu Bất động sản gần đây, xu hướng dòng tiền chuyển từ nhóm Ngân hàng sang Bất động sản trong nửa sau của 2021 là khá rõ ràng. Từ vị trí dẫn đầu về thanh khoản, nhóm Ngân hàng dần nhường lại cho Bất động sản và lùi về vị trí thứ 3 hoặc 4 trong các nhóm ngành. Do vậy khi dòng tiền tháo chạy khỏi các mã tăng nóng thì Ngân hàng chính là điểm đến được lựa chọn. Các mã Ngân hàng chính là các trụ cột điểm chính cho thị trường trong tuần.

Trong tuần vừa qua Quốc hội đã chính thức thông qua Nghị quyết về chính sách tài khoá, tiền tệ để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội bao gồm tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước tối đa 176.000 tỷ đồng, tăng bội chi ngân sách bình quân 1-1.2% GDP một năm (tối đa 240.000 tỷ đồng), giảm 2% VAT và phấn đấu giảm lãi suất 0.5-1% trong 2 năm 2022-2023. Các con số cho thấy sự thận trọng trong việc điều hành của chính phủ này không gây nhiều bất ngờ cho thị trường.

Nỗ lực kiểm soát bong bóng của Chính phủ càng thể hiện rõ ràng ở thương vụ lô đất Thủ Thiêm của Tân Hoàng Minh. Việc Tân Hoàng Minh bỏ cọc trong bối cảnh vốn vay ngân hàng bị chặn để tài trợ cho thương vụ này đã tác động rất mạnh tới dòng tiền FOMO vào các mã “cổ đất” thời gian gần đây. Đà rơi 21% trong tuần của mã có liên hệ chặt chẽ nhất tới Thủ Thiêm là CII cho thấy diễn biến này.

Bên cạnh đó, vụ việc bán khi chưa thông báo, bị huỷ lệnh và phong toả tài khoản của chủ tịch FLC đã có tác động tới tất cả các mã đầu cơ không có yếu tố cơ bản hỗ trợ. Dù ngắn hạn là thông tin tiêu cực tới giá của nhiều cổ phiếu, nhưng chúng tôi cho rằng 2 diễn biến này cho thấy quan điểm khá nhất quán và mạnh mẽ của chính phủ trong việc kiểm soát tránh bong bóng trên các thị trường tài sản để dẫn nguồn vốn kích thích kinh tế tới khu vực sản xuất.

## CHIẾN LƯỢC

Nhìn chung định giá của thị trường với mức định giá đang khá cao tại tất cả các nhóm ngành khi so sánh với kết quả kinh doanh hiện tại. Việc điều chỉnh sâu tại nhiều mã tăng nóng sẽ giúp dòng tiền tỉnh táo sau giai đoạn quy quá nhiều giá trị trong tương lai về hiện tại (thậm chí khả năng có lợi nhuận trong tương lai của nhiều mã tăng nóng còn đang bị đặt dấu hỏi). Sự lựa chọn sẽ càng ngày càng khó khăn ở vùng định giá hiện tại, nhà đầu tư cần có sự kiên nhẫn và chọn lọc khi mùa báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 và họp đại hội thường niên đã bắt đầu.

## THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Các thị trường rủi ro tiếp tục gặp áp lực trong tuần qua, đặc biệt là các thị trường tiền kỹ thuật số. Giá dầu tăng vượt 80 USD/thùng.

Lạm phát của Mỹ đã chạm đến mức tăng 7% y-o-y trong tháng 12, ghi nhận kỷ lục trong vòng 40 năm và đã là tháng thứ 3 liên tiếp vượt lên trên 6%. Rủi ro lạm phát 2 chữ số đã hiện hữu với nền kinh tế số 1 thế giới và tạo sức ép khiến FED đã lên kế hoạch thu gọn bảng cân đối của mình ngay trong năm 2022.

Bài toán mà nền kinh tế thứ 2 là Trung Quốc phải đối mặt hiện tại là duy trì mức tăng trưởng trên 5%. Trong bối cảnh khu vực bất động sản nhà ở đang suy thoái, chính phủ Trung Quốc tập trung đẩy mạnh tiến độ tại hơn 100 dự án hạ tầng chính để bù đắp tăng trưởng. Ngoài ra, các khu vực như viễn thông 5G, năng lượng tái chế, vận tải và nhà ở xã hội cũng đang được xem xét đẩy mạnh đầu tư.

**VN-INDEX**



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX có tuần giảm 2.1%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu một chút và thấp hơn một chút so với mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa và cao mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn nhiều tuần liền trước và cao hơn trung bình.

Với mức giảm trong tuần vừa qua lần lượt là 7.5% và 8.2% của VNMIDCAP và VNSMALLCAP, trong khi VN30 chỉ giảm nhẹ 0.57%, đồng thời khối lượng giao dịch cả tuần tăng mạnh thì có thể xác nhận áp lực bán mạnh khiến cho VNINDEX suy yếu đến từ



hai nhóm vốn hóa vừa và nhỏ. Trong đó, nếu như đối nhóm vốn hóa vừa tiêu biểu là diễn biến giảm sau quãng thời gian tăng mạnh của các cổ phiếu Bất động sản thì câu chuyện với nhóm vốn hóa nhỏ sẽ nằm ở các cổ phiếu rủi ro cao. Ngược lại, với nhóm vốn hóa lớn là sự tích cực trong giao dịch của nhóm Ngân hàng.

Như đã đề cập trong suốt thời gian gần đây, dù tâm lý hưng phấn của dòng tiền vẫn liên tục được duy trì trong các nhóm vốn hóa vừa và nhỏ nhưng điều đó không thể kéo dài mãi mãi, và sự luân chuyển hoặc ít nhất là cơ cấu lại một phần là điều hoàn toàn có thể dự đoán được, còn về thời điểm thì khả năng cao là đã diễn ra trong tuần vừa qua. Dù vậy thì cũng khó mà có thể cho rằng dòng tiền hiện tại có thể giúp nhóm Ngân hàng tạo được nhịp tăng ấn tượng như nửa đầu năm 2021, hoặc ít nhất thì cũng cần theo dõi thêm.

<b>Vai trò</b>	<b>Vùng điểm của VNIndex</b>
<b>Hỗ trợ</b>	1,480 – 1,490
<b>Kháng cự</b>	1,560 – 1,570



**THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG**
**1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

**Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA**

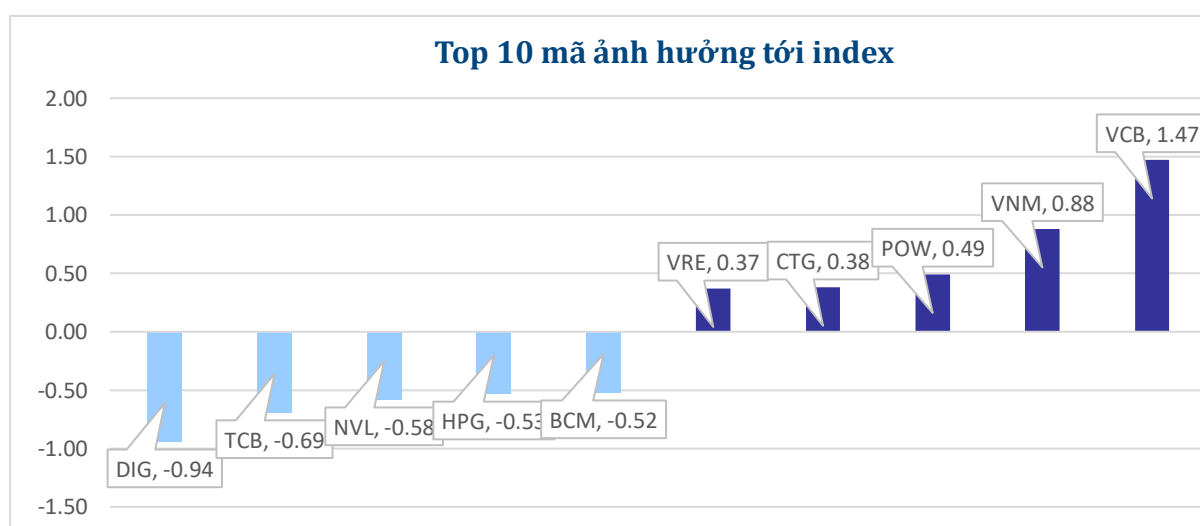
**BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,496.02	-0.00%	-0.03	785.61	22,867.5	174	54	285
Vn30 - Index	1,523.57	-0.19%	-2.86	147.77	6,416.9	14	4	12
Vn - Mid	2,144.44	-0.75%	-16.11	275.99	9,350.2	32	8	30
VN - Small	2,095.39	-0.85%	-18.04	200.43	4,317.5	68	22	101
HNX - Index	466.86	1.31%	6.03	86.08	2,696.7	118	42	179
Upcom - Index	112.22	-0.40%	-0.45	149.49	1,608.0	146	68	316

**THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	22,867.50	-25.52%	785.61	-17.93%
HNX	2,696.70	-24.81%	86.08	-26.48%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN**

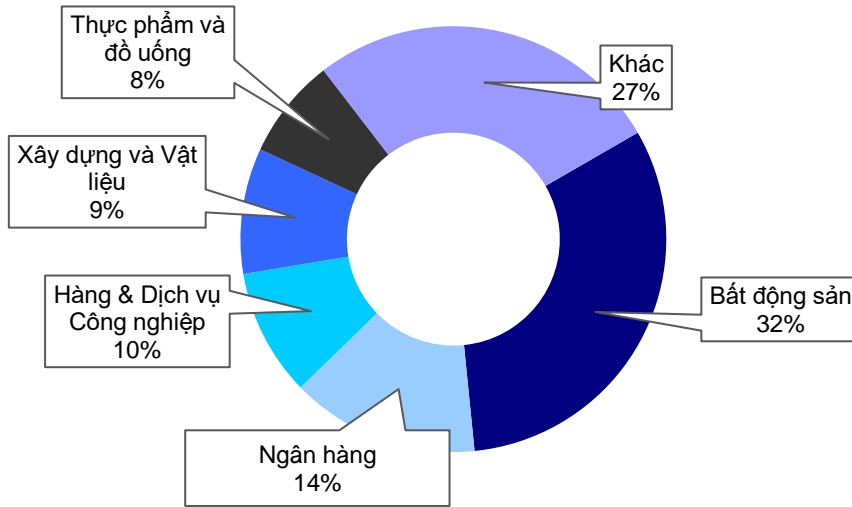


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
GEX 42.60	GEX 1,755.6	SJS 337%	L14 10.0%	DPM -6.9%
HNG 39.42	DIG 1,264.7	DIG 195%	IDC 9.9%	DCM -6.9%
HQC 38.44	STB 920.9	LDG 163%	HBC 6.9%	NBB -6.9%
LDG 26.89	LDG 594.9	FCN 159%	HAG 6.8%	DIG 6.8%
STB 26.70	HNG 421.9	HNG 156%	FRT 6.0%	LDG -6.8%

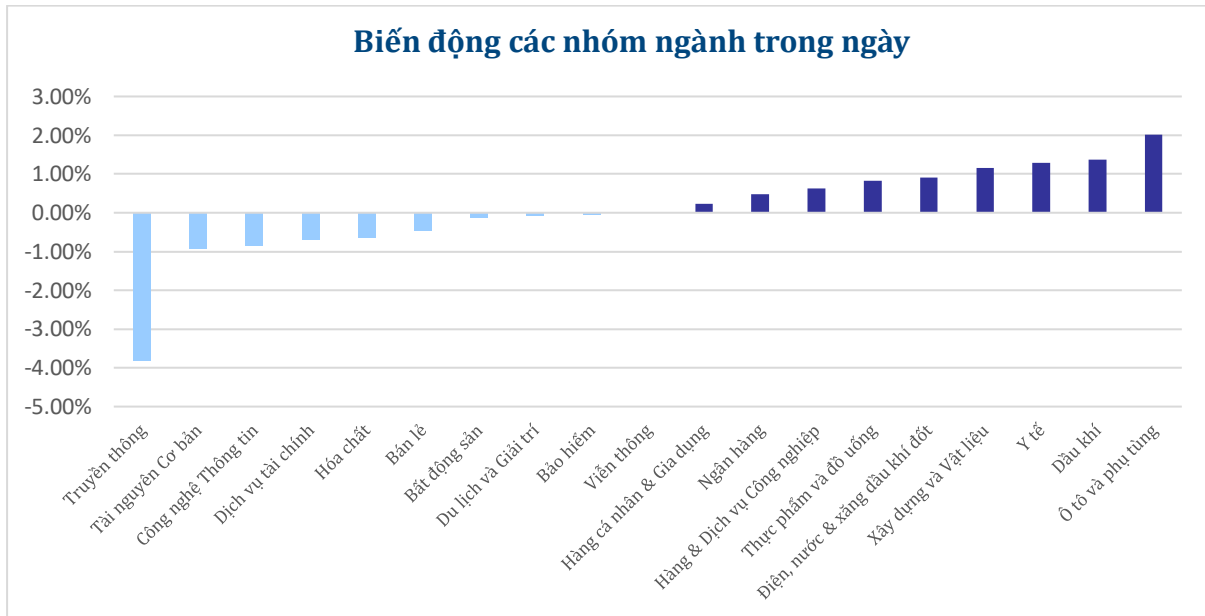


**NHÓM NGÀNH**

**Thanh khoản ngành trong ngày**



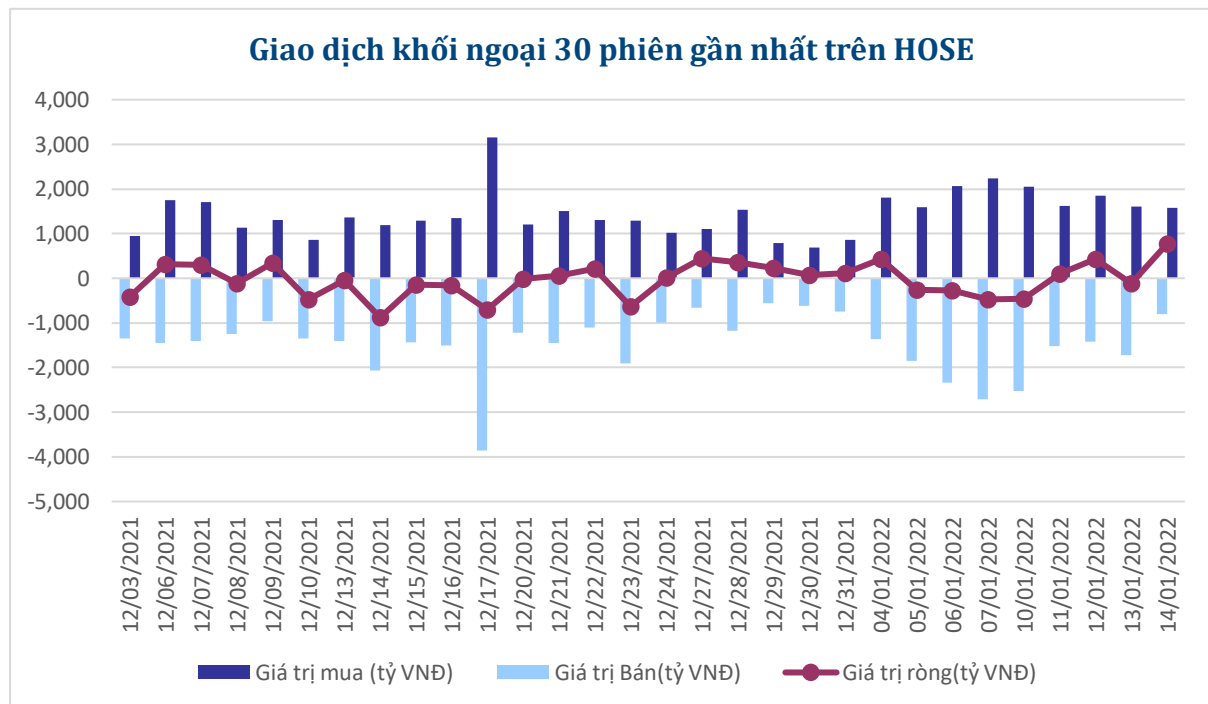
**Biến động các nhóm ngành trong ngày**



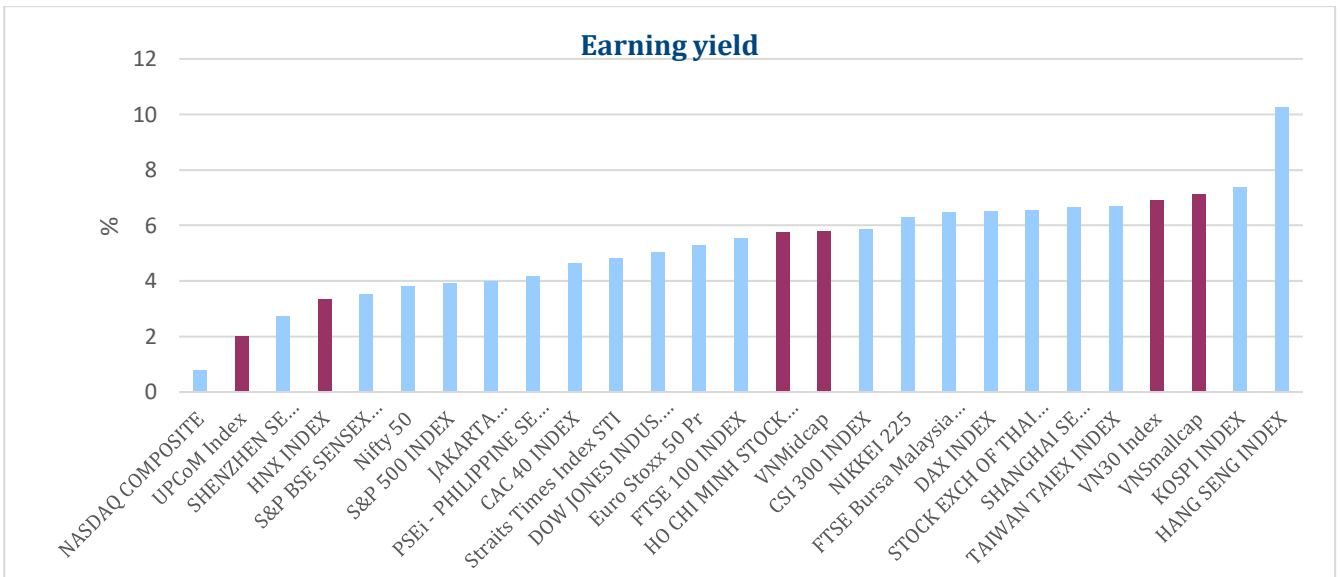
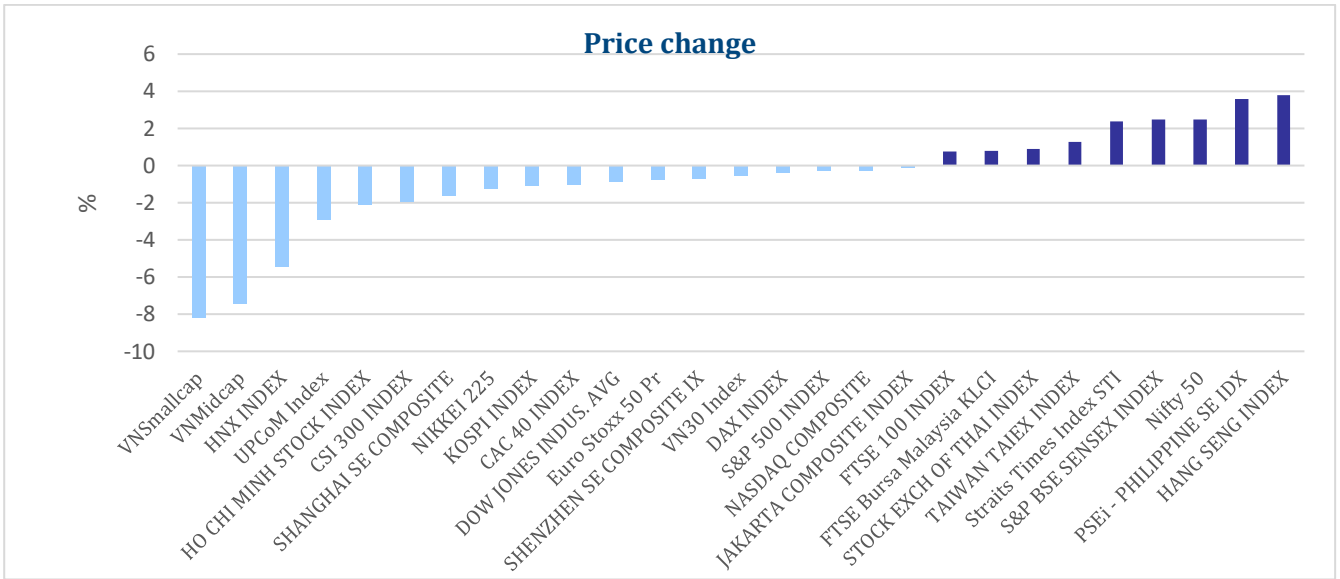
**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

Trên HOSE mua ròng 768.21 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 11.19 tỷ đồng.

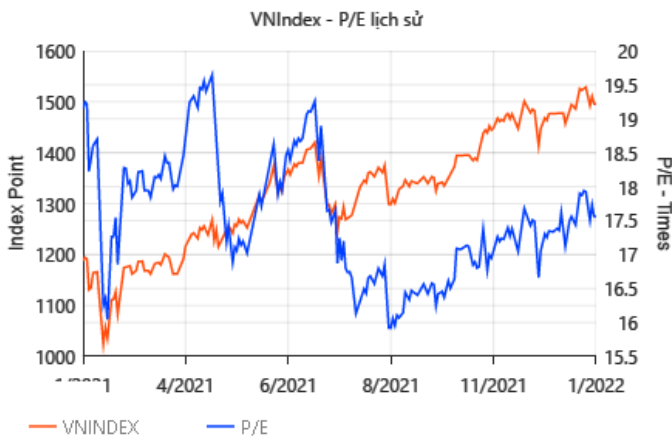
Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
<b>FUEVFNVD</b>	120.69	<b>VND</b>	33.78
<b>STB</b>	117.95	<b>VCI</b>	23.00
<b>VNM</b>	81.29	<b>VPB</b>	17.88
<b>VCB</b>	67.49	<b>GMD</b>	17.05
<b>HPG</b>	57.49	<b>VRE</b>	16.25



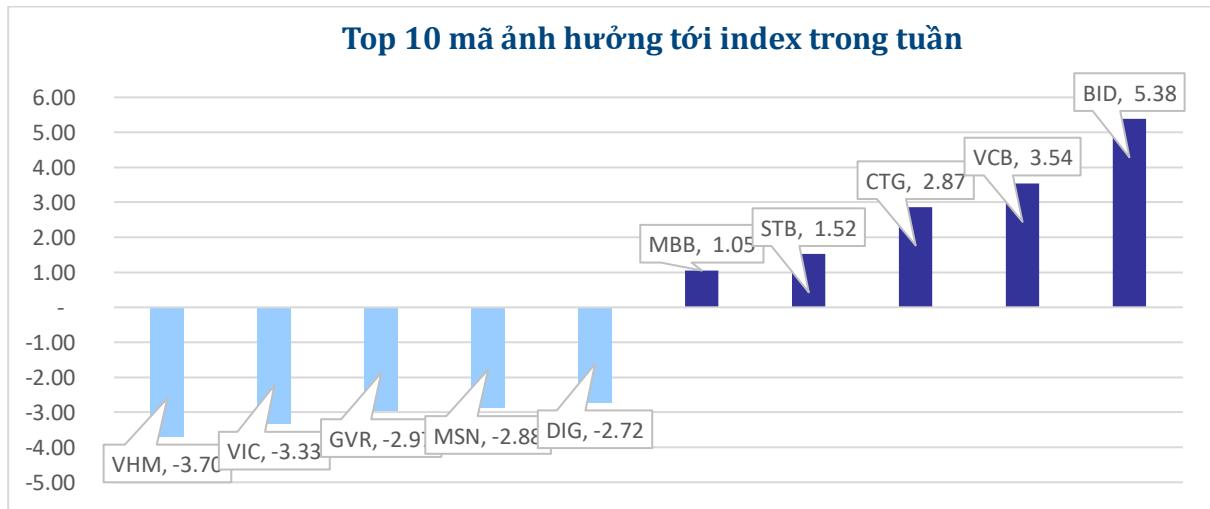
**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**



**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**

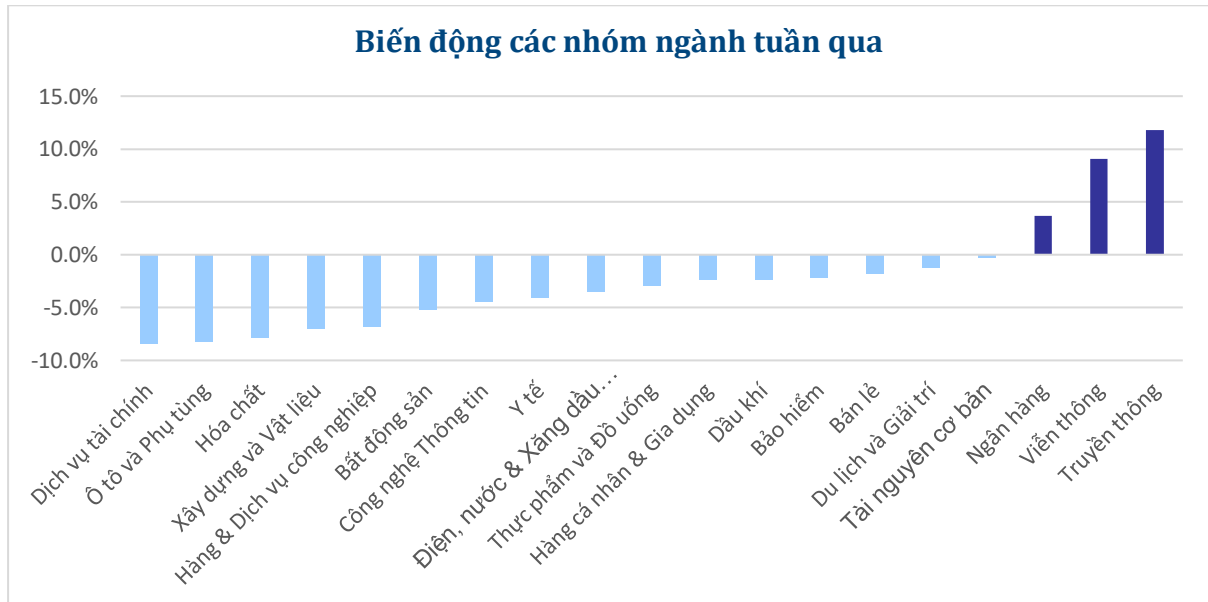


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**

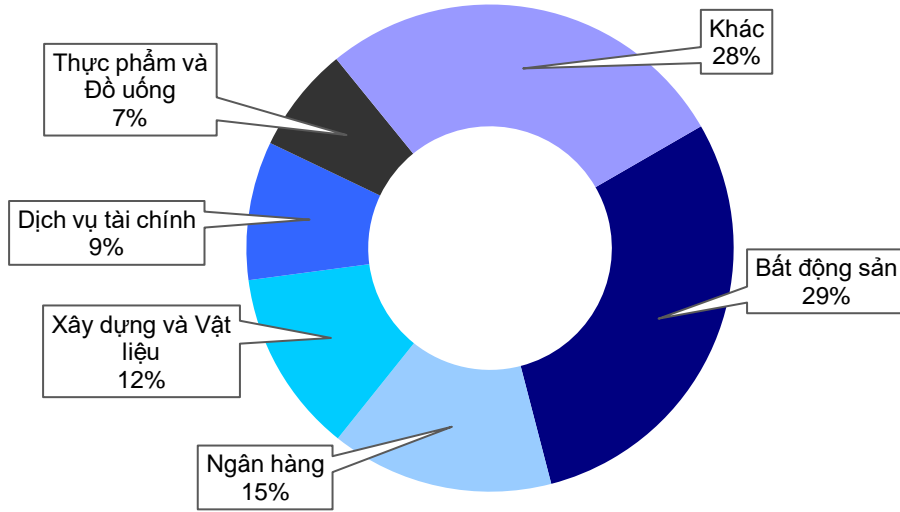


Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
FLC	58.7	GEX	1,313.0	HTP	8.64x	HTP	24.3%	ART	-38.1%
HAG	40.7	STB	1,288.0	DTE	6.45x	TIP	20.1%	PFL	-33.3%
STB	38.2	FLC	1,252.1	ACC	3.98x	TSC	19.5%	KLF	-31.1%
POW	33.6	DIG	981.1	PHC	3.16x	L14	17.3%	ROS	-29.7%
ROS	31.5	CEO	783.5	PTC	2.86x	ACC	15.6%	FLC	-28.6%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**



**Đóng góp thanh khoản trong tuần**

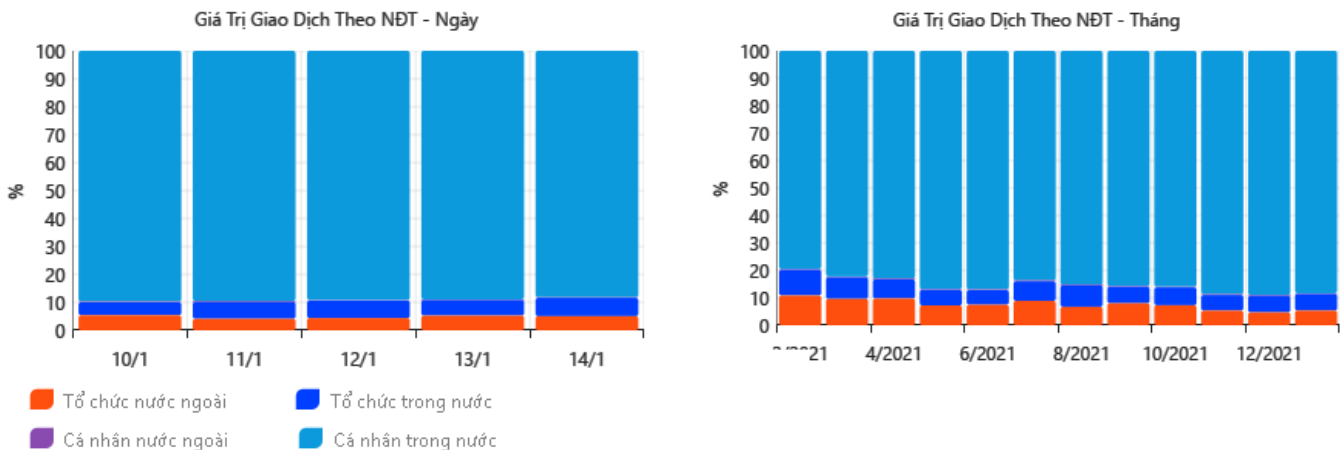


**DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG**

**GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ**

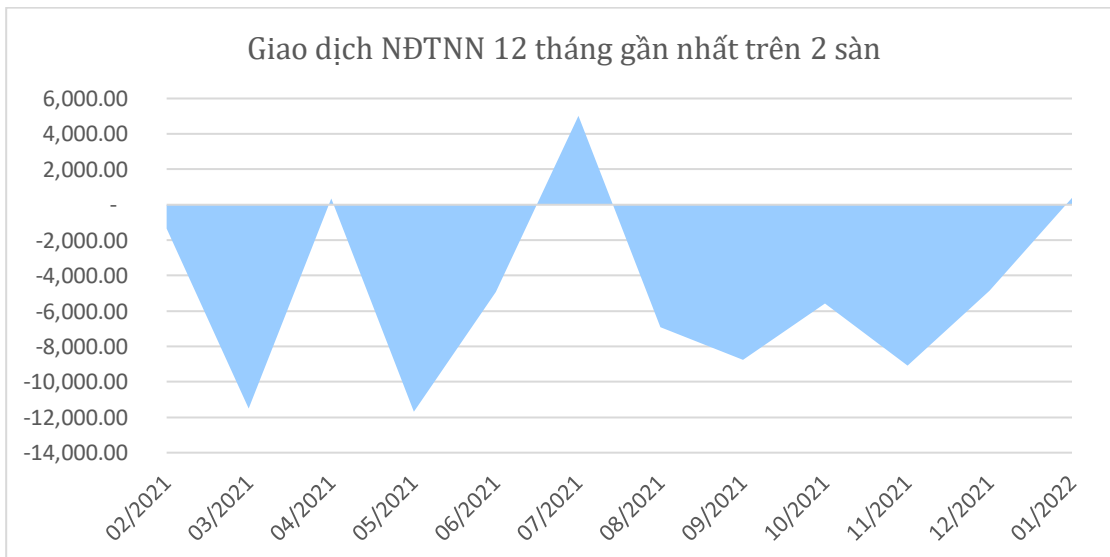
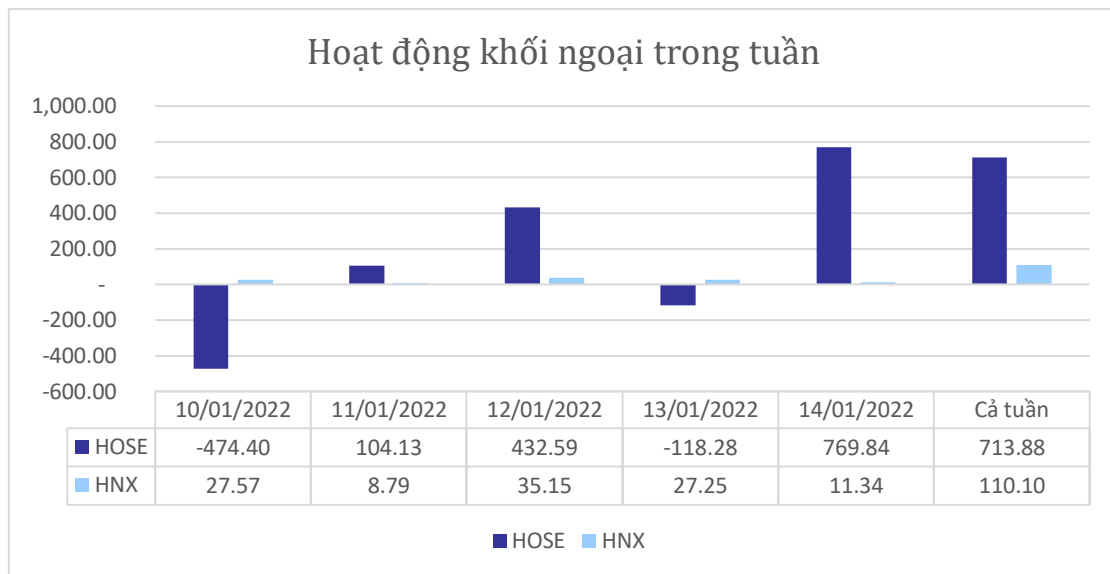
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
GEX	-10.00%	12,312.3	MWG	-1.11%	2,989.8
STB	9.55%	11,705.3	FLC	-28.60%	1,866.5
FLC	-28.60%	10,589.3	GAB	6.24%	1,780.8
DIG	-17.51%	8,457.0	STB	9.55%	1,485.2
VCG	-9.12%	6,829.3	HPG	0.98%	1,322.9

**Tỷ trọng giao dịch**



**KHỐI NGOẠI**

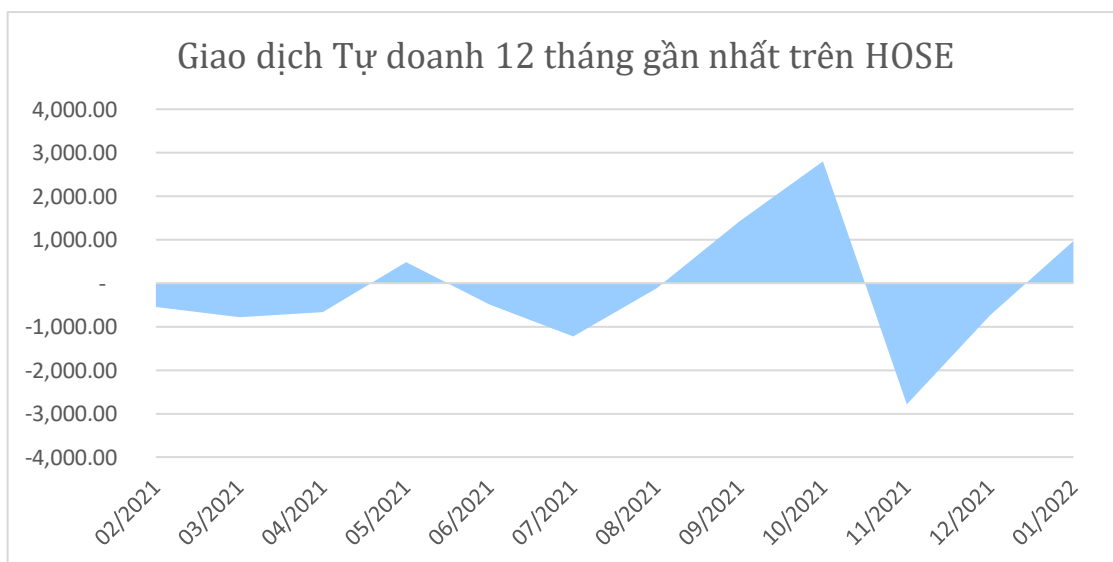
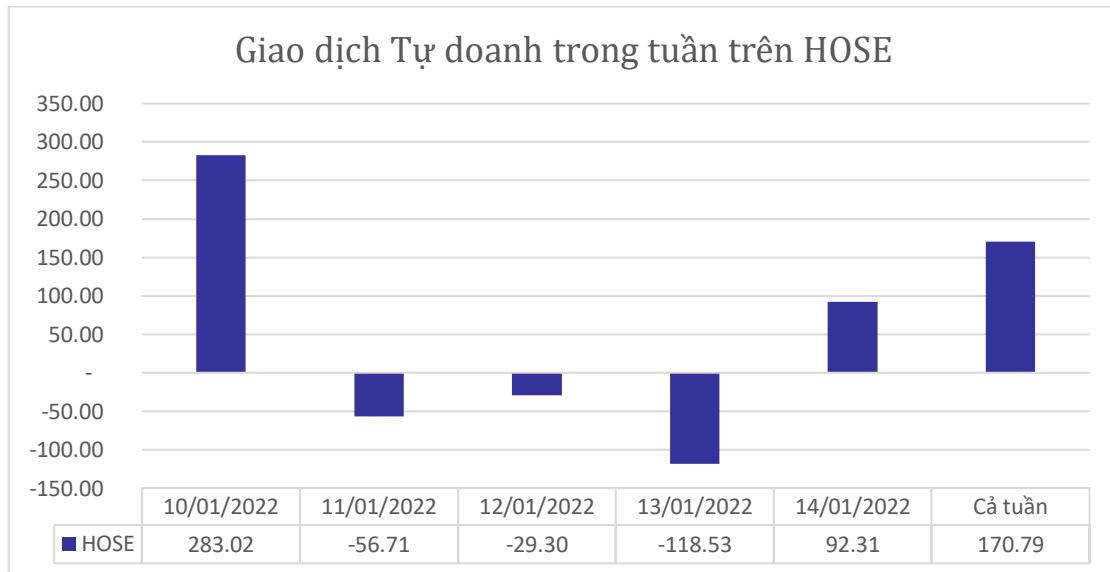
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VHM	-3.75%	251.76	VRE	-1.01%	255.67
KDH	-5.48%	202.73	CII	-21.16%	239.84
DXG	-11.73%	201.77	NVL	-5.09%	161.27
VIC	-3.23%	177.17	VND	-10.00%	104.01
VCB	4.51%	169.13	VCI	-13.87%	103.40





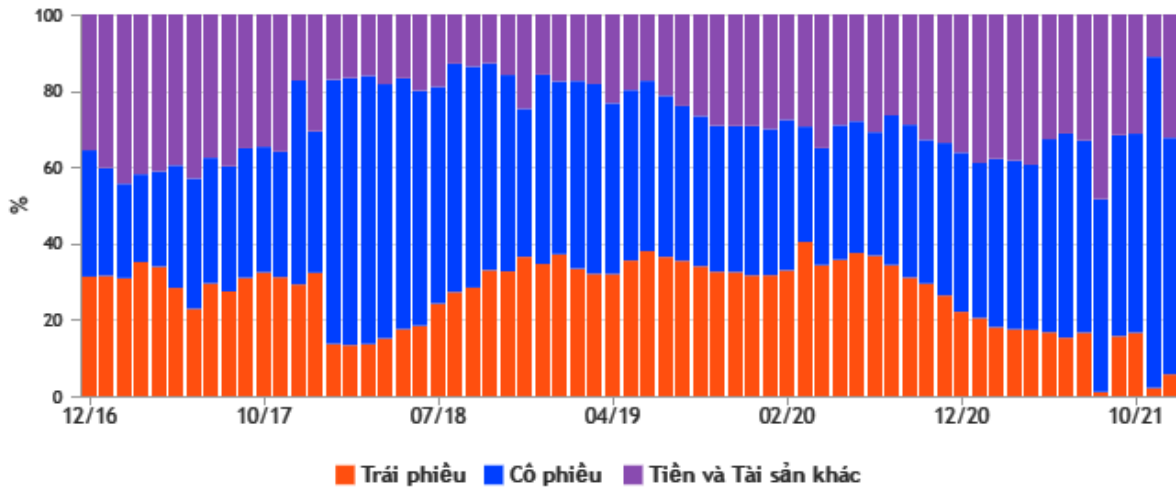
**HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH TRÊN HOSE CỦA CÁC CTCK**

Top Tự doanh Mua ròn			Top Tự doanh Bán ròn		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VRE	-1.01%	85.26	FLC	-28.60%	243.49
MWG	-1.11%	61.02	FUEVFN30	-2.44%	103.57
FPT	-2.25%	50.05	STB	9.55%	45.77
E1VFN30	-0.77%	44.87	KDH	-5.48%	37.51
PNJ	0.00%	36.75	CTG	6.78%	22.16

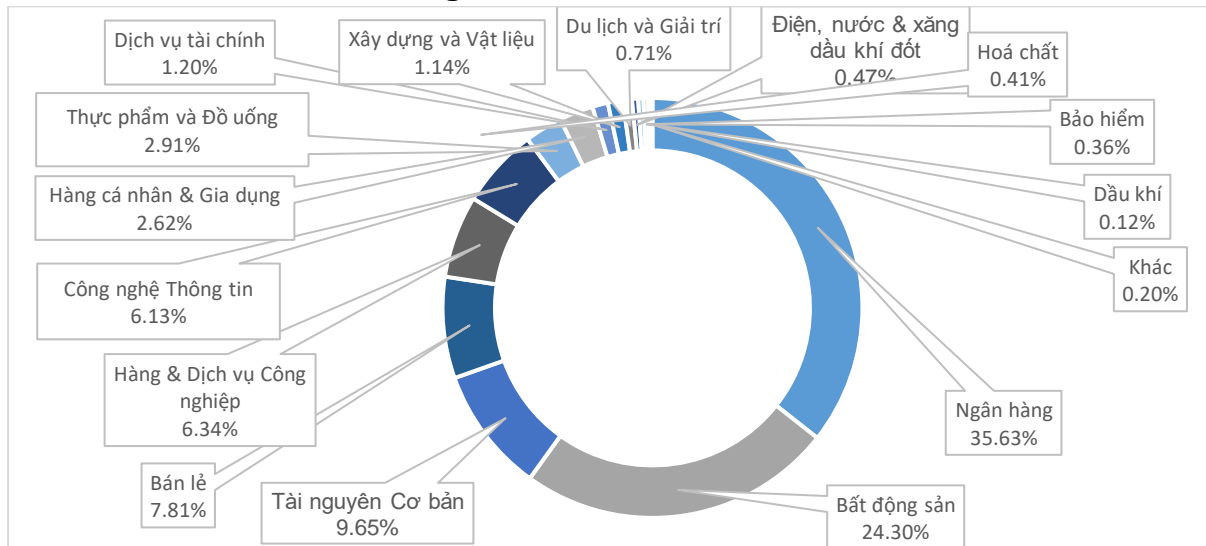


**TỔ CHỨC (40 quỹ do finrpo platform theo dõi)**

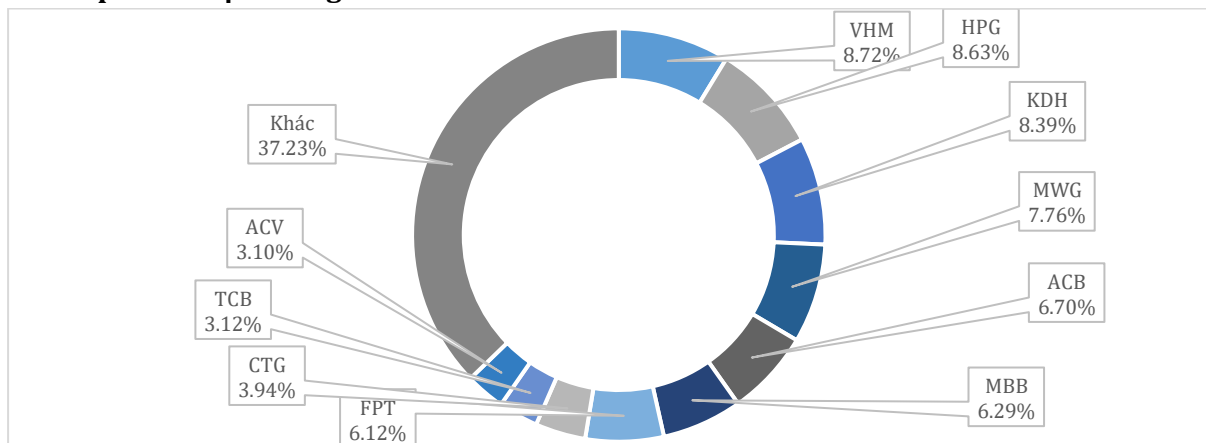
**Phân bố tài sản**



**Phân bố các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**



**LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
ADS	HSX	Giao dịch 10.000.000 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			17/01/22
ADS	HSX	Giao dịch 10.000.000 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			17/01/22
SSB	HSX	Thực hiện quyền mua cổ phiếu (tỷ lệ 100:12.2633)	17/01/22	18/01/22	17/01/22
LCC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	17/01/22	18/01/22	17/01/22
DVP	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	17/01/22	18/01/22	27/01/22
EVG	HSX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1), trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 10:1)	17/01/22	18/01/22	17/01/22
SSI	HSX	Giao dịch 10.000.000 cp niêm yết bổ sung			17/01/22
VLA	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/01/22	18/01/22	17/01/22
BMC	HSX	Chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020 (800 đ/cp)	18/01/22	19/01/22	28/01/22
CCV	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	18/01/22	19/01/22	18/01/22
DHT	HNX	Giao dịch đầu tiên 5.281.463 cổ phiếu niêm yết bổ sung			18/01/22
PLP	HSX	Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho GDHH (tỷ lệ 2:1)	18/01/22	19/01/22	18/01/22
ABS	HSX	Giao dịch 42.560.127 cp niêm yết bổ sung			18/01/22
BMC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (800 đ/cp)	18/01/22	19/01/22	28/01/22
BIC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	18/01/22	19/01/22	18/01/22
CTF	HSX	Giao dịch 4.097.776 cp niêm yết bổ sung			06/01/22 18/01/22
VAB	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 21,35%)	19/01/22	20/01/22	19/01/22
VDB	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%), trả cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 9%)	19/01/22	20/01/22	19/01/22
DAT	HSX	Trả cổ tức năm 2019 và năm 2020 (tỷ lệ 100:20)	19/01/22	20/01/22	19/01/22
CHC	Upcom	Bán ưu đãi (tỷ lệ 2:1)	19/01/22	20/01/22	19/01/22
FUCTVGF2	HSX	Tạm ứng lợi tức năm 2021 (5000 đ/cp)	19/01/22	20/01/22	27/01/22
QNS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	19/01/22	20/01/22	28/01/22
ABT	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.000 đ/cp)	19/01/22	20/01/22	27/01/22
EVE	HSX	Sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 100:8)	19/01/22	20/01/22	19/01/22
EVS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/01/22	20/01/22	19/01/22
DRI	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/01/22	20/01/22	19/01/22
TUG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	19/01/22	20/01/22	10/02/22
SPC	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	19/01/22	19/01/22	19/01/22
STB	HSX	Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2021	20/01/22	21/01/22	22/04/22
NHT	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 5:1)	20/01/22	21/01/22	20/01/22
BLT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (970đ/cp)	20/01/22	21/01/22	15/02/22
HAP	HSX	Thực hiện quyền mua cổ phiếu (tỷ lệ 1:1)	20/01/22	21/01/22	20/01/22
TOT	Upcom	Giao dịch đầu tiên 5.495.000 cổ phiếu niêm yết			20/01/22
POT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/01/22	21/01/22	20/01/22
TCI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	21/01/22	24/01/22	21/01/22
MBS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	21/01/22	24/01/22	21/01/22
SHA	HSX	Giao dịch 1.592.699 cp niêm yết bổ sung			21/01/22
SAM	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 10.000:439)	21/01/22	24/01/22	21/01/22

**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungth@gtjas.com.vn">nhungth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709
<b>Trần Thị Diệu Khánh</b>	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	<a href="mailto:khanhttd@gtjas.com.vn">khanhttd@gtjas.com.vn</a>	

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:ivs@gtjas.com.vn">ivs@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696